

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		976,385,471,440	451,180,651,547
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	23,826,565,603	20,654,158,643
1. Tiền	111		23,826,565,603	12,854,158,643
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7,800,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15,358,676,194	14,235,918,444
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4	7,640,971,340	6,565,063,444
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(2,632,295,146)	(2,679,145,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,350,000,000	10,350,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		426,054,974,759	305,944,572,676
1. Phải thu của khách hàng	131		21,532,075,822	31,611,784,912
2. Trả trước cho người bán	132		35,982,121,081	9,891,204,275
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		678,500,000	678,500,000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	6	369,475,754,951	272,013,867,550
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1,613,477,095)	(8,250,784,061)
IV. Hàng tồn kho	140		502,601,296,454	108,837,649,251
1. Hàng tồn kho	141		502,601,296,454	108,837,649,251
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,543,958,430	1,508,352,533
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	-	42,873,600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	8,543,958,430	1,465,478,933
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		412,374,512,740	424,525,991,801
II. Tài sản cố định	220		1,992,326,478	220,519,596
1. TSCĐ hữu hình	221	9	1,940,382,034	131,908,485
- Nguyên giá	222		2,594,911,215	638,401,942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(654,529,181)	(506,493,457)
3. TSCĐ vô hình	227	10	51,944,444	88,611,111
- Nguyên giá	228		162,888,000	162,888,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(110,943,556)	(74,276,889)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		79,808,363,875	66,778,941,941
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		79,808,363,875	66,778,941,941
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		330,486,236,491	357,511,864,582
1. Đầu tư vào Công ty con	251	12	330,486,236,491	329,722,474,582
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	13	-	27,789,390,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		87,585,896	14,665,682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	87,585,896	14,665,682
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,388,759,984,180	875,706,643,348

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,000,753,642,738	496,456,475,669
I. Nợ ngắn hạn	310		753,802,216,984	451,898,522,755
1. Phải trả ngắn hạn người bán	311		5,055,995,479	2,829,036,143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5,513,766,100	2,864,664,100
3. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	313		1,036,457,852	1,685,798,076
4. Phải trả người lao động	314	15	1,564,845,428	907,431,257
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		76,801,512,385	12,341,716,986
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	173,138,312,589	94,678,910,121
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		490,607,175,255	336,533,518,176
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		84,151,896	57,447,896
II. Nợ dài hạn	330		246,951,425,754	44,557,952,914
7. Phải trả dài hạn khác	337		42,916,546,500	41,916,546,500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		204,034,879,254	2,641,406,414
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		388,006,341,442	379,250,167,679
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	388,006,341,442	379,250,167,679
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		364,000,000,000	364,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364,000,000,000	364,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46,144,781,818	46,144,781,818
5. Cổ phiếu quỹ	415		(9,481,291,820)	(9,481,291,820)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,293,626,226	1,293,626,226
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13,950,774,782)	(22,706,948,545)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22,706,948,545)	(51,301,451,859)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8,756,173,763	28,594,503,314
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,388,759,984,180	875,706,643,348

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀI GIANG

PHẠM DUY HÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Lũy kế đến quý IV năm 2018	Lũy kế đến quý IV năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	108,254,526	8,229,800,917	8,386,489,949	111,562,228,893
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10		108,254,526	8,229,800,917	8,386,489,949	111,562,228,893
4. Giá vốn hàng bán	11	19	17,796,925	7,952,469,993	4,670,740,294	66,382,430,578
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		90,457,601	277,330,924	3,715,749,655	45,179,798,315
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1,127,169,122	151,189,646	26,467,810,886	1,144,295,474
7. Chi phí tài chính	22	21	173,563,399	379,495,454	559,441,328	1,851,164,375
Trong đó: Chi phí lãi vay						
	23		172,222,222	360,811,478	443,180,924	1,764,759,063
8. Chi phí bán hàng	24		571,706,473	751,226,427	828,935,223	905,685,563
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	7,196,596,522	4,330,327,336	16,790,588,788	11,446,005,573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6,724,239,671)	(5,032,528,647)	12,004,595,202	32,121,238,278
11. Thu nhập khác	31	23	4,000,000	72,000,000	19,060,000	201,968,905
12. Chi phí khác	32	24	32	4,631,285	1,021,538,219	24,742,622
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3,999,968	67,368,715	(1,002,478,219)	177,226,283
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6,720,239,703)	(4,965,159,932)	11,002,116,983	32,298,464,561
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15			2,245,943,220	7,525,147,166
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6,720,239,703)	(4,965,159,932)	8,756,173,763	24,773,317,395
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(185)	(136)	817	681

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CP-DT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HOÀI GIANG

PHẠM DUY HƯNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Đến Quý IV năm 2018**

				Đơn vị tính: VND	
STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Đến Quý IV năm 2018	Đến Quý IV năm 2017
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		11,002,116,983	32,298,464,561
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao TSCĐ	02		148,035,724	91,685,104
	- Các khoản dự phòng	03		(6,684,156,820)	
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24,804,369,879)	(1,144,295,475)
	- Chi phí lãi vay	06		443,180,924	1,764,759,065
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(19,895,193,068)	33,010,613,255
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(120,110,402,083)	(32,003,599,248)
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(393,763,647,203)	(59,398,181,110)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		213,263,128,549	25,131,109,175
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(72,920,214)	(44,127,000)
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1,122,757,750)	(111,021,844)
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(443,180,924)	1,764,759,065
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,882,711,926)	5,958,956,021
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(552,738,638)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(325,580,423,257)	33,647,291,243
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13,029,421,934)	(43,500,636,794)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12,900,000,000)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			21,500,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(763,761,909)	(42,053,847,405)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		978,884,041	1,144,295,474
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25,714,299,802)	(62,910,188,725)
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		515,941,739,354	125,000,000,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(161,474,609,335)	(77,437,908,725)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		354,467,130,019	47,562,091,275
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		3,172,406,960	18,299,193,793
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20,654,158,643	2,354,964,850
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3	23,826,565,603	20,654,158,643

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HOÀI GIANG



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM DUY HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tư vấn, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: đầu tư, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên	Ngã 3 Bắc Nam, tổ 22, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	Tầng 9, tòa nhà HCC, 28 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	90,16%	90,16%	90,16%

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	Tầng 16, Tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	Giáo dục, trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê	20,01%	20,01%	20,01%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính/bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thới Khùê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31.12.2018	01.01.2018
Tiền mặt	33.821.012	66.573.497
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.792.744.591	12.787.585.146
Các khoản tương đương tiền	-	7.800.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	7.800.000.000
Cộng	23.826.565.603	20.654.239.158.643

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	31.12.2018		01.01.2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu	7.444.995.000	-2.632.295.146	6.235.695.000	-2.679.145.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	2.987.200.000	-2.632.295.146	2.987.200.000	-2.679.145.000
Các cổ phiếu khác (chưa niêm yết)	4.457.795.000	-	3.248.495.000	-
Các khoản đầu tư khác	195.976.340	-	258.238.444	-
Tiền ủy thác đầu tư	195.976.340	-	258.238.444	-
Cộng	7.640.971.340	-2.632.295.146	6.493.933.444	-2.679.145.000

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	31.12.2018	01.01.2018
Số đầu kỳ	-2.679.145.000	-2.772.495.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	46.849.854	-93.350.000
Số cuối kỳ	-2.632.295.146	-2.679.145.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2018		01.01.2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Cộng	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31.12.2018		01.01.2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	330.486.236.491	-	329.722.474.582	-
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương Bắc Ninh ^(a)	56.216.634.125	-	56.216.634.125	-
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế ^(b)	168.980.000.000	-	168.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam ^(c)	30.569.000	-	27.569.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên ^(d)	15.259.033.366	-	14.498.271.457	-
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô ^(e)	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	27.789.390.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam ^(g)	-	-	27.789.390.000	-
Cộng	330.486.236.491	-	357.511.864.582	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31.12.2018	01.01.2018
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	21.532.075.822	31.611.784.912
Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam	18.083.095.263	26.444.119.353
Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư DPA	-	1.951.485.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	110.000.000	110.000.000
Takaaki Iwai	98.477.095	98.477.095
Các khách hàng thuê đất KCN Đa Hội	3.240.503.464	3.007.703.464
Cộng	21.532.075.822	31.611.784.912

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31.12.2018	01.01.2018
Trả trước cho các bên liên quan	104.550.906	4.550.906
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương	104.550.906	4.550.906
Trả trước cho các người bán khác	35.877.570.175	9.886.653.369

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNGĐịa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31.12.2018	01.01.2018
Công ty CP Đầu tư IDJ Việt Nam	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Tân Toàn Cầu VN	1.253.764.600	-
Công ty TNHH đầu tư & thương mại Hưng Anh	1.218.125.540	3.230.819.090
Công ty CP Len Hà Đông	1.138.170.000	-
Công ty CP dịch vụ và đầu tư Tân Long	1.784.031.819	-
Các nhà cung cấp khác	10.483.478.216	6.655.834.279
Cộng	35.982.121.081	9.891.204.275

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31.12.2018		01.01.2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Công ty Cổ phần Apec Thái Nguyên về các khoản chi hộ	43.214.974.027	-	42.493.794.027	-
Phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phương về tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Apec Thái Nguyên	57.075.000.000	-	57.075.000.000	-
Phải thu các cá nhân ứng tiền phục vụ dự án, đầu tư	51.386.259.896	-	80.244.159.370	-
Dự thu các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	336.598.611	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.361.098.582	-	1.361.098.582	-
Tạm ứng	140.164.043.825	-	70.763.668.070	-
Các khoản phải thu khác	76.274.378.621	-1.613.477.095	19.739.548.890	-8.250.784.061
Cộng	369.475.754.951	-1.613.477.095	272.013.867.550	-8.250.784.061

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	31.12.2018	01.01.2018
Số đầu năm	8.250.784.061	8.250.784.061
Hoàn nhập dự phòng	-6.637.306.966	-
Số cuối năm	1.613.477.095	8.250.784.061

6. Hàng tồn kho

	31.12.2018		01.01.2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	63.498.181	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	502.601.296.454	-	108.774.151.070	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31.12.2018		01.01.2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cộng	502.601.296.454	-	108.837.649.251	-

7. Tài sản cố định hữu hình

Là phương tiện vận tải, máy photocopy

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	638.401.942	506.493.457	131.908.485
Khấu hao trong kỳ	-	148.035.724	-46.724.862
Tăng trong kỳ	1.956.509.273	-	1.956.509.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Cộng	2.594.911.215	654.529.181	1.940.382.034

8. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm kế toán, phần mềm quản lý BĐS

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	162.888.000	74.276.889	88.611.111
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-
Cộng	162.888.000	74.276.889	88.611.111

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01.01.2018	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	30.06.2018
Trung tâm thương mại Thái Nguyên	48.771.590.042	7.481.782.292	-	56.253.372.334
Dự án Quản lý Chợ Tam Đa	5.437.472.876	-	7.934.467	5.429.538.409
Khu CN Đa Hội	9.802.989.364	5.547.639.642	-	15.350.629.006
Dự án Bắc Giang	483.876.418	-	-	483.876.418
Thành Phố Công nghệ Cao Hà Nam	1.128.806.976	-	-	1.128.806.976
Các dự án khác	2.112.032.524	-	-	2.112.032.524
Cộng	66.778.941.941	13.037.356.401	7.934.467	79.808.363.875

(*) Quyền tài sản phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp vừa và nhỏ Đa Hội được dùng đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Hà Nội.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	01.01.2018	31.12.2018
Phải trả các nhà cung cấp	2.829.036.143	5.055.995.479
Công ty CP Đầu tư Landcom	466.425.500	-
Công ty CP Đầu tư ICIC3	1.149.931.900	1.149.931.900
VIMEXCO	-	983.658.116
Các nhà cung cấp khác	1.212.678.743	2.085.393.280
Công ty TNHH Xây dựng Soi sáng	-	937.012.183
Cộng	2.829.036.143	5.055.995.479

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01.01.2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31.12.2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	960.631.544	960.631.544	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		258.713.475	258.713.475	-
Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.664.364.891	2.245.943.220	2.882.711.926	1.027.596.185
Thuế thu nhập cá nhân	21.433.185	958.882.630	829.212.105	151.103.710
Tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	102.235.304.761	102.388.372.257	-153.067.496
Cộng	1.685.798.076	106.659.475.630	107.319.641.307	1.025.632.399

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31.12.2018	01.01.2018
Phải trả các bên liên quan	-	-
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn cho thuê lại đất tại KCN Đa Hội	76.801.512.385	12.341.716.986
Lãi vay phải trả	-	-
Khác	-	-
Cộng	76.801.512.385	12.341.716.986

13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**13a. Phải trả ngắn hạn khác**

	31.12.2018	01.01.2018
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	173.138.312.589	94.678.910.121
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	16.288.609
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Khu công nghiệp Đa Hội - Bắc Ninh	7.985.193.476	11.011.803.476
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Trung tâm Thương mại Thái Nguyên	37.987.303.450	35.329.883.450
Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land về tiền góp vốn vào Dự án Khu đô thị Số 5	50.102.703.310	45.518.409.237

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNGĐịa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31.12.2018</u>	<u>01.01.2018</u>
phường Túc Duyên		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	77.063.112.353	2.802.525.349
Cộng	173.138.312.589	94.678.910.121

13b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ của Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land để thực hiện phân phối dự án Khu đô thị Số 5 phường Túc Duyên

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>31.12. 2018</u>	<u>01.01.2018</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	474.639.594.100	301.168.594.100
Công ty Cổ phần Apec Land Huế (không tính lãi)	127.284.997.165	93.478.759.000
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh (không tính lãi)	262.081.352.990	117.950.000.000
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô (không tính lãi)	89.739.835.100	89.739.835.100
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp IDJ	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh Hà Thành	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam- chi nhánh Hội An	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông- chi nhánh Tràng An	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân và tổ chức khác	11.500.990.000	24.500.990.000
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên (không tính lãi)	11.500.990.000	11.500.990.000
Bà Nguyễn Thị Ánh	-	13.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	10.863.934.076
Cộng	490.607.175.255	336.533.518.176

14b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Hà Nội để phục vụ thi công hạ tầng kỹ thuật Dự án Khu công nghiệp vừa và nhỏ Đa Hội tại phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với lãi suất cho vay tại từng thời điểm nhận nợ và điều chỉnh định kỳ 06 tháng một lần, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Sau thời gian ân hạn, số tiền vay được hoàn trả đều hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp vừa và nhỏ Đa Hội

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Từ 1 năm đến 5 năm	204.034.879.254	2.641.406.414
Trên 5 năm	-	-
Cộng	204.034.879.254	2.641.406.414

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thới Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	364.000.000.000	46.144.781.818	-9.481.291.820	1.293.626.226	-51.301.451.859	350.655.664.365
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	28.594.503.314	28.594.503.314
Số dư cuối năm trước	364.000.000.000	46.144.781.818	-9.481.291.820	1.293.626.226	-22.706.948.545	379.250.167.679
Số dư đầu kỳ này	364.000.000.000	46.144.781.818	-9.481.291.820	1.293.626.226	-22.706.948.545	379.250.167.679
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	8.756.173.763	8.756.173.763
Số dư cuối kỳ này	364.000.000.000	46.144.781.818	-9.481.291.820	1.293.626.226	-13.950.774.782	388.006.341.442

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	74.921.220.000	74.821.220.000
Quỹ Asean Small Cap Fund	63.156.000.000	63.156.000.000
Lucerne Enterprise Ltd	74.262.000.000	74.262.000.000
Quỹ Optis Global Opportunities Fund	2.634.000.000	2.634.000.000
Atonius	6.913.000.000	6.913.000.000
Ông Lê Hồng Nam	16.641.000.000	21.410.000.000
Các cổ đông khác	125.472.780.000	120.803.780.000
Cộng	364.000.000.000	364.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNGĐịa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.400.000	26.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.400.000	36.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.400.000	36.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.400.000	35.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.400.000	35.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>đến 31.12.2018</u>	<u>đến 31.12.2017</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.320.815.298	-
Doanh thu bán căn hộ	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	207.947.378	210.347.000
Doanh thu cho thuê lại đất	6.857.727.273	110.184.236.359
Cộng	8.386.489.949	111.562.228.893

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>đến 31.12.2018</u>	<u>đến 31.12.2017</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.287.871.634	1.118.806.707
Giá vốn bán căn hộ	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	496.072.447
Giá vốn cho thuê lại đất	3.382.868.660	64.767.551.424
Cộng	4.670.740.296	66.382.430.578

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>đến 31.12.2018</u>	<u>đến 31.12.2017</u>
Lãi tiền gửi	1.663.441.007	1.024.992.850
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.241.599.879	119.302.624
Chi phí tài chính khác	-4.437.230.000	-
Cộng	26.467.810.886	1.144.295.474

4. Chi phí tài chính

	<u>đến 31.12.2018</u>	<u>đến 31.12.2017</u>
--	-----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNGĐịa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thới Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	đến 31.12.2018	đến 31.12.2017
Chi phí lãi vay	443.180.924	1.764.759.065
Phí giao dịch chứng khoán	116.260.404	86.405.310
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	-
Cộng	559.441.328	1.851.164.375
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	đến 31.12.2018	đến 30.12.2017
Chi phí cho nhân viên	10.081.409.977	8.033.626.321
Chi phí đồ dùng văn phòng	244.221.352	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.702.391	113.073.993
Thuế, phí và lệ phí	309.719.439	5.510.000
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.608.915.952	2.041.876.104
Chi phí bằng tiền khác	3.361.619.677	1.251.919.155
Cộng	16.790.588.788	11.446.005.573
6. Thu nhập khác		
	đến 31.12.2018	đến 30.12.2017
Tiền hoa hồng được hưởng	-	104.010.725
Thanh lý tài sản (xe oto)	-	72.000.000
Thu nhập khác	19.060.000	25.958.180
Cộng	19.060.000	201.968.905
7. Chi phí khác		
	đến 31.12.2018	đến 31.12.2017
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
<i>Trong đó: Tiền thu từ thanh lý TSCĐ</i>	-	-
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý</i>	-	-
Khác	930.288.874	24.742.622
Lãi chậm nộp thuế TNCN 2015,2016	91.249.345	-
Cộng	1.021.538.219	24.742.622
8. Lãi trên cổ phiếu		
Nội dung	Quý IV/2018	Lũy kế đến quý IV/2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-6720.239.703	11.002.116.983
- Thuế TNDN	-	2.245.943.220
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	36.400.000	36.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

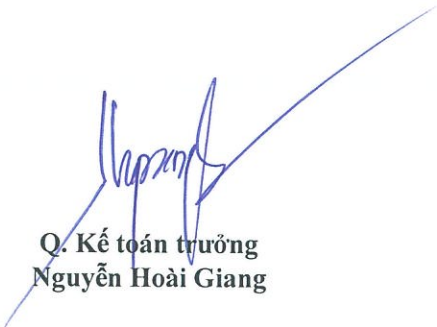
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong kỳ	-	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ	36.400.000	36.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-54	33

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018


Q. Kế toán trưởng
Nguyễn Hoài Giang


P. Tổng Giám Đốc
Phạm Duy Hưng

